

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày: 15/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Chí
2. Ông Nguyễn Văn Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2024/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 777/2024/HSST-TB ngày 04 tháng 5 năm 2024 đối với:

- Bị cáo: **Trần Nam Tuấn K**, sinh năm: 1998.

+ Tên gọi khác: Không.

+ Nơi sinh: tỉnh Bến Tre;

+ Nơi cư trú: **số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre;**

+ Nghề nghiệp: làm thuê;

+ Trình độ học vấn: 6/12;

+ Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

+ Con ông **Trần Nam C** (còn sống) và bà **Trương Thị R** (còn sống);

+ Bị cáo chưa có vợ, con;

+ Tiền án, tiền sự: Không;

+ Nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-XPHC ngày 18/12/2023 của Trưởng **Công an huyện T**, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (chưa nộp phạt).

+ Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 14/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện T**, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Nguyễn Hoàng T, sinh năm 2002, địa chỉ: số A, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Huỳnh Văn N, sinh năm 1981, địa chỉ: số C ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thái T1, sinh năm 1978, địa chỉ thường trú: số E ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1989; địa chỉ: số G, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian ngày 10/11/2023 và ngày 18/11/2023 để có tiền tiêu xài cá nhân, Trần Nam Tuấn K đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Bến Tre cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 10/11/2023, Trần Nam Tuấn K đi xe buýt từ xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre đến quán I ở ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau khi xuống xe, K đi lối đi bên hông của quán internet đến nhà vệ sinh phía sau của quán thì phát hiện xe mô tô biển số 83E1-127.57 của Nguyễn Hoàng T, sinh năm 2002, nơi thường trú: ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre đang dựng ở lối đi bên hông của quán internet, trên xe gắn sẵn chìa khóa nên K nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó, K dẫn xe ra Quốc lộ E rồi điều khiển xe theo hướng đi thành phố B, tỉnh Bến Tre để tìm chỗ bán. K đến tiệm mua bán xe cũ Quốc Lành ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thái T1 làm chủ, K thỏa thuận bán xe với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Sau đó, K đón xe đi Thành phố H và tiêu xài hết số tiền trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành đến tiệm mua bán xe cũ Q xác minh và thu giữ xe mô tô 83E1-127.57.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô hai bánh biển số 83E1-127.57, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, dung tích xi lanh 109cm³, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401. Qua khảo sát thực tế tại các cơ sở mua bán xe cũ, sửa xe trên địa bàn huyện T, xe có giá trị 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 18/11/2023, Trần Nam Tuấn K nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi ngang nhà của Huỳnh Văn N, sinh năm 1981, nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. K quan sát phát hiện phía trước nhà có một xe mô tô hai bánh, biển số 48H1-050.26, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu xanh đen, không người trông coi, có cắm sẵn chìa khóa, phía sau xe có một xe kéo được cột bằng dây vào xe mô tô. K dùng tay tháo dây cột rồi tháo xe kéo ra khỏi xe mô tô 48H1-050.26. Sau đó, K dẫn xe mô tô trên ra đường ĐX03 rồi điều khiển xe tẩu thoát về hướng Thành phố H và bán cho một người thanh niên không rõ họ tên, địa

chỉ với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Số tiền trên **K** đã tiêu xài cá nhân, còn lại 250.000 đồng. Tài sản không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện T** kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển số 48H1-050.26, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu xanh đen, bánh mâm, một gương chiếu hậu bên trái, số khung C6K0EY171977, số máy 5C6K-171981. Hội đồng định giá tài sản định giá theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của **Bộ T4**, tỷ lệ hao mòn 10%/năm. Do vậy xe mua vào ngày 06/7/2023 với giá 4.000.000 đồng nên giá trị còn lại là (95%) 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh gắn biển số 83E1-127.57 nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, dung tích xi lanh 109cm³, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 177967, đăng ký ngày 21/3/2016, tên chủ xe **Lý Hoàng C1**, địa chỉ: **T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**.

- Số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Qua kết luận giám định xác định giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 177967, đề ngày 21/3/2016, mang tên chủ xe **Lý Hoàng C1**, địa chỉ: **T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** là giả.

Qua xác minh thông tin, xác định chủ xe mô tô hai bánh gắn biển số 83E1-127.57 nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, dung tích xi lanh 109cm³, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401 nêu trên là của **Trần Thị H**. Qua làm việc, bà **H** xác định đã bán lại cho người khác không xác định được họ tên, địa chỉ. Sau đó, bị hại **Nguyễn Hoàng T** mua lại ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không xác định được thông tin bên bán, mua để sử dụng nhưng chưa thực hiện thủ tục sang tên.

Qua tra cứu xe máy vật chứng của **Công an huyện T**, tỉnh Bến Tre xác định xe máy biển kiểm soát 83E1-12757, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Qua tra cứu trên hệ thống đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ phương tiện có số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401 thì biển số xe là 72G1-313.83, như vậy biển số 83E1-12757 là không hợp lệ.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS, ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã truy tố trước Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre để xét xử bị cáo **Trần Nam Tuấn K** về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo **Trần Nam Tuấn K** và đề nghị Hội đồng xét xử các nội dung như sau:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Nam Tuấn K** phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần Nam Tuấn K** từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại **Huỳnh Văn N** số tiền 3.800.000 đồng và bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thái T1** số tiền 3.000.000 đồng những người này không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Giao cho **Công an huyện T**, tỉnh Bến Tre tạm giữ 01 (một) xe mô tô hai bánh gắn biển số 83E1-127.57 nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, dung tích xi lanh 109cm³, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401 tạm giữ để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định.

+ Tịch thu để lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 177967, đăng ký ngày 21/3/2016, tên chủ xe **Lý Hoàng C1**, địa chỉ: **T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** do là giấy tờ giả.

+ Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 250.000 đồng.

- Đối với **Nguyễn Thái T1** khi mua tài sản của bị cáo nhưng không biết rõ tài sản đó là do bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

- Đối với **Nguyễn Hoàng T** tại thời điểm mua xe mô tô đã qua sử dụng của người khác và có giấy chứng nhận đăng ký xe phù hợp với biển số nhưng không kiểm tra số khung số máy xe, **T** không biết giấy chứng nhận đăng ký xe là giả nên không có cơ sở xử lý **Nguyễn Hoàng T** về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đồng ý tội danh, điều luật, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo, bị cáo không tranh luận. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại **Huỳnh Văn N** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thái T1** nhưng hiện tại bị cáo chưa có điều kiện để bồi thường.

Bị hại **Nguyễn Hoàng T** trình bày: đối với xe mô tô hai bánh, trên xe gắn biển số 83E1-127.57, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, dung tích xi lanh 109cm³, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401 do khi mua xe chưa kiểm tra xe và giấy tờ xe nên không biết giấy tờ xe giả, không phù hợp với xe đã mua nên bị hại **T** đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đối với xe mô tô của **T** theo quy định. Bị hại **T** không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp. Bị hại Huỳnh Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thái T1 có đơn xin vắng mặt, người làm chứng Nguyễn Thanh T2 vắng mặt. Thấy rằng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét việc vắng mặt của bị hại Huỳnh Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thái T1 và người làm chứng Nguyễn Thanh T2 không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ, ngày 10/11/2023, tại quán I ở ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre, Trần Nam Tuấn K đã lấy trộm của Nguyễn Hoàng T một xe mô tô biển số 83E1-127.57, nhãn hiệu Wave, số loại Wave RSX. Tài sản qua định giá là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Khoảng 01 giờ ngày 18/11/2023, tại nhà của Huỳnh Văn N ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, Trần Nam Tuấn K đã lấy trộm của Huỳnh Văn N một xe mô tô biển số 48H1-050.26, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius. Tài sản qua định giá là 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

[3] Về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã thành niên và có năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú đã truy tố bị cáo. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú truy tố bị cáo Trần Nam Tuấn K về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Hành vi của bị cáo **Trần Nam Tuấn K** là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại **Nguyễn Hoàng T** và **Huỳnh Văn N** là khách thể được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ý thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; với ý thức lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng không bằng sức lao động của chính mình, điều đó đã làm ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, sau khi thực hiện hai lần hành vi trộm cắp tài sản của bị hại **Nguyễn Hoàng T** và **Huỳnh Văn N**, sau đó vào ngày 29/11/2023 bị cáo tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản là một chiếc xe mô tô của ông **Dương Văn T3** tại **ấp Đ, xã T, huyện T** qua định giá tài sản là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) hành vi này bị Trưởng **Công an huyện T**, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Điều đó, thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc để cách ly bị cáo với các hoạt động bình thường bên ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục bị cáo thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, từ đó để bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa phạm tội mới, vừa đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung cho cộng đồng. Tuy nhiên, trong lượng hình cũng cần phải xem xét đến việc bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích nêu trên.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thấy rằng hiện tại bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại **Huỳnh Văn N** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thái T1**; buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại **Huỳnh Văn N** số tiền 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng) và bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thái T1** số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); **Huỳnh Văn N** và **Nguyễn Thái T1** không có yêu cầu gì thêm nên

không xem xét. Đối với bị hại **Nguyễn Hoàng T** không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Tịch thu để lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 177967, đăng ký ngày 21/3/2016, tên chủ xe **Lý Hoàng C1**, địa chỉ: **T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** do là giấy tờ giả. Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 250.000 đồng. Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh gắn biển số 83E1-127.57 nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, dung tích xi lanh 109cm³, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401 qua kết quả giám định giấy chứng nhận đăng ký xe là giả và kết quả tra cứu biển số 83E1-127.57 gắn trên xe mô tô nêu trên là không hợp lệ; khi mua xe cũ, bị hại **T** thấy xe có biển số phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng không kiểm tra xem giấy tờ xe và biển số có đúng thực tế hay không. Xét thấy, xe mô tô hai bánh gắn biển số 83E1-127.57 nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, dung tích xi lanh 109cm³, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401 hiện tại không đủ điều kiện để lưu thông nên cần thiết giao cho **Công an huyện T**, tỉnh Bến Tre tạm giữ để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định.

[11] Đối với **Nguyễn Thái T1** khi mua tài sản của bị cáo, mà không biết rõ tài sản đó là do bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý. Đối với **Nguyễn Hoàng T** tại thời điểm mua xe mô tô đã qua sử dụng của người khác và có giấy chứng nhận đăng ký xe phù hợp với biển số nhưng không kiểm tra số khung số máy xe, giấy tờ xe là không phù hợp. **T** không biết giấy chứng nhận đăng ký xe là giả nên không có cơ sở xử lý **Nguyễn Hoàng T** về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

[12] Ý kiến của Kiểm sát viên phân tích đánh giá hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo, hậu quả và tính chất mức độ của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với tính khách quan của vụ án, đúng với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Nam Tuấn K** phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Nam Tuấn K** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 13, 468, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo **Trần Nam Tuấn K** có trách nhiệm bồi thường cho bị hại **Huỳnh Văn N** số tiền 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng) và bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thái T1** số tiền 3.000.000 đồng

(ba triệu đồng), Huỳnh Văn N và Nguyễn Thái T1 không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Bị hại Nguyễn Hoàng T không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không xem xét.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Giao cho Công an huyện T, tỉnh Bến Tre tạm giữ 01 (một) xe mô tô hai bánh gắn biển số 83E1-127.57, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, dung tích xi lanh 109,1 cm³, số máy JA32E-1115649, số khung RLHJA321XEY063401 đã qua sử dụng để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định.

3.2. Tịch thu để lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 177967, đăng ký ngày 21/3/2016, tên chủ xe Lý Hoàng C1, địa chỉ: T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3.3. Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000082 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Vật chứng đang được tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ-VKSTP-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

4. Về án phí sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Nam Tuấn K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 340.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Công an huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bộ phận HS Công an huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (2b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1b);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú